

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 7 năm 2014

và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

đã được kiểm toán

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	5 – 27
Bảng cân đối kế toán	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2 tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước số 2, hiện nay Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 1801116600 ngày 26 tháng 6 năm 2014 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 06 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là **113.408.000.000 đồng**.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước: sản xuất, kinh doanh nước sạch;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
- Thi công lắp đặt đường ống.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động nào khác làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cấp phép.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 366C Cách Mạng Tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 05 đến trang 26).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Văn Chinh	Chủ tịch
Ông Lê Quốc Phục	Ủy viên
Bà Phạm Hồng Kha	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Phong	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Thiên	Ủy viên

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

366C Cách Mạng Tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Văn Chinh	Giám đốc
Ông Lê Quốc Phục	Phó Giám đốc
Bà Phạm Hồng Kha	Phó Giám đốc
Bà Trần Thị Hoà	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

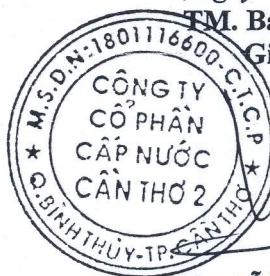
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Cần Thơ, ngày 27 tháng 01 năm 2015

TM. Ban Giám đốc
Giám đốc



Nguyễn Văn Chinh

Số: 12./2015/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2, được lập ngày 15 tháng 01 năm 2015, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 năm 2014 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt****Bùi Ngọc Vương**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2013-152-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2015

Kiểm toán viên**Bùi Thị Ngọc Lan**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2013-152-1

Headquarters29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 *Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn**Branch in Hanoi**No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi
Tel: (84-04) 3793 1428 *Fax: (84-04) 3793 1429
Email: admin@namviethn.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/07/2014
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		80.363.721.975	-
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		37.293.508.968	-
1.	Tiền	111	V.01	2.756.633.868	-
2.	Các khoản tương đương tiền	112		34.536.875.100	-
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.236.282.105	-
1.	Phải thu khách hàng	131		1.938.350.588	-
2.	Trả trước cho người bán	132		1.434.721.565	-
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.02	8.863.209.952	-
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		27.456.569.666	-
1.	Hàng tồn kho	141	V.03	27.456.569.666	-
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		3.377.361.236	-
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.036.382.117	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.196.641.768	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.04	12.377.607	-
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	131.959.744	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

366C Cách Mạng Tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, phường Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/07/2014
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		141.193.610.870	-
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		121.938.991.064	-
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	93.230.080.099	-
	- Nguyên giá	222		244.581.430.794	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(151.351.350.695)	-
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	28.708.910.965	-
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
1.	Nguyên giá	241		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		8.964.162.880	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251	V.08	8.964.162.880	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		10.290.456.926	-
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	10.290.456.926	-
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		221.557.332.845	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

366C Cách Mạng Tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, phường Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

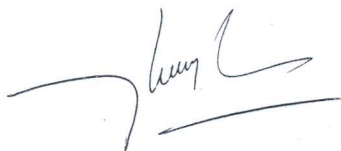
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/07/2014
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		101.233.534.272	-
I.	Nợ ngắn hạn	310		67.580.298.364	-
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2.	Phải trả người bán	312		346.250.564	-
3.	Người mua trả tiền trước	313		-	-
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	2.063.617.669	-
5.	Phải trả người lao động	315		1.036.382.094	-
6.	Chi phí phải trả	316	V.11	7.515.888	-
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	63.644.553.131	-
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		481.979.018	-
II.	Nợ dài hạn	330		33.653.235.908	-
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.13	33.653.235.908	-
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		120.323.798.573	-
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.14	120.323.798.573	-
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		113.408.000.000	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.915.798.573	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		221.557.332.845	-

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2014	01/07/2014
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại		-	-
	USD		-	-
	EUR		-	-
	JPY		-	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu**Nguyễn Thị Ngọc Thủy****Kế toán trưởng****Trần Thị Hòa**

Cần Thơ, ngày 15 tháng 01 năm 2015

Giám đốc**Nguyễn Văn Chính**

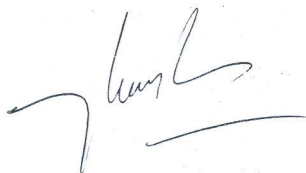
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/7/2014 và kết thúc tại ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

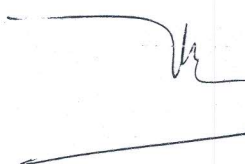
STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/7/2014 đến ngày 31/12/2014
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	38.216.211.489
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	2.520.000
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	38.213.691.489
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.04	25.588.911.621
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.624.779.868
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	733.988.477
7.	Chi phí tài chính	22	VI.06	829.116.352
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		829.116.352
8.	Chi phí bán hàng	24		-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.674.657.335
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.854.994.658
11.	Thu nhập khác	31	VI.07	37.157.086
12.	Chi phí khác	32	VI.08	102.292
13.	Lợi nhuận khác	40		37.054.794
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.892.049.452
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	2.176.250.879
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		7.715.798.573
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	680

Người lập biểu



Nguyễn Thị Ngọc Thủy

Kế toán trưởng



Trần Thị Hòa

Cần Thơ, ngày 15 tháng 01 năm 2015

Giám đốc



Nguyễn Văn Chinh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/7/2014 đến ngày 31/12/2014
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		43.155.461.719
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(44.333.691.877)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(6.357.738.813)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04		(711.600.714)
5.	Tiền chi nộp thuế TNDN	05		(2.820.380.943)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		61.072.570.853
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(10.142.945.132)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		39.861.675.093
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(262.466.000)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.157.917.937
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		895.451.937

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

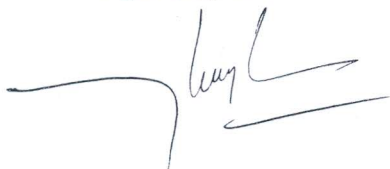
366C Cách Mạng Tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

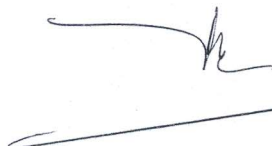
STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/7/2014 đến ngày 31/12/2014
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3.463.618.062)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.463.618.062)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		37.293.508.968
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		-
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		37.293.508.968

Người lập biểu



Nguyễn Thị Ngọc Thủy

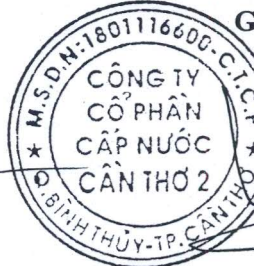
Kế toán trưởng



Trần Thị Hòa

Cần Thơ, ngày 15 tháng 01 năm 2015

Giám đốc



 Nguyễn Văn Chinh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/7/2014 đến ngày 31/12/2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, xây dựng, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước: sản xuất, kinh doanh nước sạch;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
- Thi công lắp đặt đường ống

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Riêng năm tài chính đầu tiên của Công ty Cổ phần bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 năm 2014 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

03. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	02 – 30 năm
- Máy móc, thiết bị	02 – 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02 – 07 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 – 08 năm

04. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

05. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết

khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

06. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chờ phân bổ;
- Những khoản chi phí khác thực tế phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán;

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

07. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

08. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

366C Cách Mạng Tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Đơn vị tính: VND***01. Tiền**

	31/12/2014	01/7/2014
- Tiền mặt	1.272.341	-
- Tiền gửi ngân hàng	2.755.361.527	-
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	2.756.633.868	-

02. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/7/2014
- Phải thu khác	8.863.209.952	-
+ Các Chi nhánh Công ty	324.594.523	-
+ Đội xây lắp	7.077.176.232	-
+ Khác	1.461.439.197	-
Cộng	8.863.209.952	-

03. Hàng tồn kho

	31/12/2014	01/7/2014
- Nguyên liệu, vật liệu	26.246.219.658	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.210.350.008	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	27.456.569.666	-

04. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2014	01/7/2014
- Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	12.377.607	-
Cộng	12.377.607	-

05. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/7/2014
- Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
- Tạm ứng	131.959.744	-
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Cộng	131.959.744	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

366C Cách Mạng Tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
<i>Số dư đầu kỳ</i>	-	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	163.997.000	103.375.091	267.372.091
- Đầu tư XD CB hoàn thành	1.364.898.510	-	24.162.779	514.649.828	1.903.711.117
- Tăng do bàn giao chuyển đổi CPH	96.060.592.444	81.218.172.521	64.439.297.598	692.285.023	242.410.347.586
- Phân loại lại tài sản	(475.686.449)	34.372.908	476.286.449	(34.972.908)	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	96.949.804.505	81.252.545.429	65.103.743.826	1.275.337.034	244.581.430.794
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
<i>Số dư đầu năm</i>					-
- Khấu hao trong năm	4.942.760.250	2.461.613.548	2.706.854.988	124.375.203	10.235.603.989
- Tăng do bàn giao chuyển đổi CPH	54.796.376.031	61.229.101.387	24.837.774.274	252.495.014	141.115.746.706
- Phân loại lại tài sản	(396.898.217)	(4.532.410)	397.595.280	3.835.347	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	59.342.238.064	63.686.182.525	27.942.224.542	380.705.564	151.351.350.695
III. Giá trị còn lại					
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	-	-	-	-	-
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	37.607.566.441	17.566.362.904	37.161.519.284	894.631.470	93.230.080.099

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

366C Cách Mạng Tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2014	01/7/2014
+ Công trình mạng lưới cấp thoát nước	28.708.910.965	-
Cộng	28.708.910.965	-

08. Đầu tư vào Công ty con

	31/12/2014		01/7/2014	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Công ty Cổ phần				
Cấp nước Long Hòa	896.416	8.964.162.880	-	-
Cộng	896.416	8.964.162.880	-	-

09. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2014	01/7/2014
- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	638.517.876	-
- Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp xác định khi Cổ phần hóa	9.379.904.993	-
- Khác	272.034.057	-
Cộng	10.290.456.926	-

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014	01/7/2014
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.048.170.439	-
- Thuế tài nguyên	15.447.230	-
Cộng	2.063.617.669	-

11. Chi phí phải trả

	31/12/2014	01/7/2014
- Chi phí phải trả khác	7.515.888	-
Cộng	7.515.888	-

12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/7/2014
- Phải trả về cổ phần hóa	52.263.475.190	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.381.077.941	-
Cộng	63.644.553.131	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

366C Cách Mạng Tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2014	01/7/2014
Vay dài hạn	33.653.235.908	
- <i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	<i>33.653.235.908</i>	-
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ ^(a)	26.666.282.796	-
+ Ngân hàng TMCP Phát triển nhà ĐBSCL – Chi nhánh Cần Thơ ^(b)	6.986.953.112	
<i>Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác</i>	-	-
Nợ dài hạn	-	-
- <i>Nợ thuê tài chính</i>	-	-
- <i>Nợ dài hạn khác</i>	-	-
Trái phiếu	-	-
Cộng	33.653.235.908	-

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Cần Thơ theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng số 11.16.012 ngày 08 tháng 12 năm 2011 để đầu tư hạng mục tuyến ống công nghệ D400, D600 từ nhà máy nước Cần Thơ 2 đến đường Võ Văn Kiệt và hạng mục bể chứa trạm bơm cấp 2 thuộc dự án nâng công suất nhà máy nước Cần Thơ 2 lên thêm 10.000 m³/ngày đêm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay: bể chứa, trạm bơm cấp 2, nhà hoá chất phục vụ dây chuyền xử lý công suất 10.000 m³/ngày đêm, đường ống công nghệ D400, D600, mạng lưới tuyến ống cấp nước, máy móc thiết bị phục vụ quản lý, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh.
- Hợp đồng số 11.16.0009 ngày 19 tháng 4 năm 2011 để đầu tư dự án nâng công suất nhà máy nước Cần Thơ số 2 lên thêm 10.000 m³/ngày đêm (thanh toán tiền xây dựng, cung cấp lắp đặt thiết bị và công nghệ). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ công trình xây dựng trên đất, trang thiết bị công nghệ nâng công suất nhà máy nước Cần Thơ lên thêm công suất 10.000 m³/ngày.
- Hợp đồng số 12.67.049 ngày 25 tháng 12 năm 2012 để đầu tư tuyến ống cấp nước D300, D250 gang và D114 PVC dọc tuyến đường Võ Văn Kiệt, thành phố Cần Thơ và tuyến ống D400 gang và D114 PVC tuyến bên phải đường Nguyễn Văn Cừ (đoạn từ đường Cách Mạng Tháng 8 đến đường Mậu Thân) quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tuyến ống cấp nước D300, D250 gang và D114 PVC dọc tuyến đường Võ Văn Kiệt, thành phố Cần Thơ và tuyến ống D400 gang và D114 PVC tuyến bên phải đường (đoạn từ đường Cách Mạng Tháng 8 đến đường Mậu Thân) Nguyễn Văn Cừ, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.
- Hợp đồng số 79009/2014 ngày 20 tháng 5 năm 2014 để đầu tư tuyến ống cấp nước D.375 gang từ đoạn cầu Cái Khế đến cầu Nhị Kiều và đoạn từ vòng xoay bến Xe Mới đến đường Nguyễn Văn Cừ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tuyến ống cấp nước D.375 gang từ đoạn cầu Cái Khế đến cầu Nhị Kiều và đoạn từ vòng xoay bến Xe Mới đến đường Nguyễn Văn Cừ.
- Hợp đồng số 79.010/2014 ngày 04 tháng 9 năm 2014 để đầu tư dự án nâng cấp cải tạo QL 91, hạng mục di dời hệ thống cấp nước km7+000 đến cầu Trà Nóc QL 91 quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hạng mục nâng cấp cải tạo QL 91, hạng mục di dời hệ thống cấp nước Km7+000 đến cầu Trà Nóc QL 91 quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Đơn vị tính: VND

14. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm nay	-	-	-
Tăng vốn trong năm	113.408.000.000	-	113.408.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	7.715.798.573	7.715.798.573
Phân phối lợi nhuận	-	(800.000.000)	(800.000.000)
Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm nay	113.408.000.000	6.915.798.573	120.323.798.573

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2014	01/7/2014
- Vốn góp của Nhà nước	85.056.000.000	-
- Vốn góp của các đối tượng khác	28.352.000.000	-
Cộng	113.408.000.000	-

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	31/12/2014	01/7/2014
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	-	-
+ Vốn góp tăng trong năm	113.408.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	113.408.000.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

e. Cổ phiếu

	31/12/2014	01/7/2014
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.340.800	-
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.340.800	-
+ Cổ phiếu phổ thông	11.340.800	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.340.800	-
+ Cổ phiếu phổ thông	11.340.800	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

366C Cách Mạng Tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

- Doanh thu sản xuất nước
- Doanh thu lắp đặt và công trình khác
- Cộng**

Từ ngày 01/7/2014**đến ngày 31/12/2014**

37.160.313.333

1.055.898.156

38.216.211.489**02. Các khoản giảm trừ doanh thu**

- Giảm giá hàng bán
- Cộng**

Từ ngày 01/7/2014**đến ngày 31/12/2014**

2.520.000

2.520.000**03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

- Doanh thu thuần sản xuất nước
- Doanh thu thuần lắp đặt và công trình khác
- Cộng**

Từ ngày 01/7/2014**đến ngày 31/12/2014**

37.157.793.333

1.055.898.156

38.213.691.489**04. Giá vốn hàng bán**

- Giá vốn sản xuất nước
- Giá vốn lắp đặt và công trình khác
- Cộng**

Từ ngày 01/7/2014**đến ngày 31/12/2014**

24.725.701.958

863.209.663

25.588.911.621**05. Doanh thu hoạt động tài chính**

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay
- Cộng**

Từ ngày 01/7/2014**đến ngày 31/12/2014**

733.988.477

733.988.477**06. Chi phí tài chính**

- Lãi tiền vay
- Cộng**

Từ ngày 01/7/2014**đến ngày 31/12/2014**

829.116.352

829.116.352

- Thu nhập khác
Cộng

Từ ngày 01/7/2014
đến ngày 31/12/2014
37.157.086
37.157.086

08. Chi phí khác

- Chi phí khác
Cộng

Từ ngày 01/7/2014
đến ngày 31/12/2014
102.292
102.292

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành

Từ ngày 01/7/2014
đến ngày 31/12/2014
2.176.250.879
-
2.176.250.879

Chi tiết cách xác định Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ ngày 01/7/2014 đến ngày 31/12/2014
Lợi nhuận kế toán trước thuế	9.892.049.452
Các khoản điều chỉnh tăng	-
<i>Các khoản chi phí không được trừ</i>	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-
<i>Chuyển lỗ</i>	-
<i>Cổ tức được chia</i>	-
Thu nhập tính thuế TNDN	9.892.049.452
Thuế suất thuế TNDN	22%
Thuế TNDN	2.176.250.879
Thuế TNDN được giảm	-
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	2.176.250.879

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ ngày 01/7/2014 đến ngày 31/12/2014
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	7.715.798.573
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.715.798.573
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.340.800
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	680

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/7/2014 đến 31/12/2014
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.636.697.507
- Chi phí nhân công	8.374.121.296
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.235.603.989
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.568.138.625
- Chi phí khác bằng tiền	3.268.185.834
Cộng	28.082.747.251

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Từ ngày 01/7/2014 đến ngày 31/12/2014
Tiền lương	720.000.000
Cộng	720.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Công ty Cổ phần Cấp nước Long Hòa	Công ty con

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm tài chính giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Từ ngày 01/7/2014 đến ngày 31/12/2014
<i>Công ty Cổ phần Cấp nước Long Hòa</i>	
- Bán nước sạch	411.591.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP NƯỚC CẦN THƠ 2

366C Cách Mạng Tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

03. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách			Giá trị hợp lý	
	31/12/2014	Dự phòng	01/7/2014	31/12/2014	01/7/2014
Giá trị ghi sổ			Giá trị ghi sổ		
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.293.508.968	-	-	37.293.508.968	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.801.560.540	-	-	10.801.560.540	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-
Cộng	48.095.069.508	-	-	48.095.069.508	-

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	31/12/2014	01/7/2014	31/12/2014	01/7/2014
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	346.250.564	-	346.250.564	-
Vay và nợ	33.653.235.908	-	33.653.235.908	-
Chi phí phải trả	7.515.888	-	7.515.888	-
Các khoản phải trả khác	63.644.553.131	-	63.644.553.131	-
Cộng	97.651.555.491	-	97.651.555.491	-

04. Tài sản đảm bảo***Tài sản thế chấp cho đơn vị khác***

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V13). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Tài sản thế chấp	Giá trị sổ sách	Điều khoản và điều kiện thế chấp
Số cuối kỳ		
- Bể chứa, trạm bơm cấp 2, nhà hóa chất phục vụ dây chuyền xử lý công suất 10.000 m ³ /ngày đêm, đường ống công nghệ D400, D600, mạng lưới tuyến ống cấp nước, máy móc thiết bị phục vụ quản lý, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh.	41.669.000.000	Đầu tư hạng mục tuyến ống công nghệ D400, D600 từ nhà máy nước Cần Thơ 2 đến đường Võ Văn Kiệt và hạng mục bể chứa trạm bơm cấp 2 thuộc dự án nâng công suất nhà máy nước Cần Thơ 2 lên thêm 10.000 m ³ /ngày đêm.
Toàn bộ công trình xây dựng trên đất, trang thiết bị công nghệ nâng công suất nhà máy nước Cần Thơ lên thêm công suất 10.000 m ³ /ngày.	18.247.000.000	Đầu tư dự án nâng công suất nhà máy nước Cần Thơ số 2 lên thêm 10.000 m ³ /ngày đêm (thanh toán tiền xây dựng, cung cấp lắp đặt thiết bị và công nghệ)
Tuyến ống cấp nước D300, D250 gang và D114 PVC dọc tuyến đường Võ Văn Kiệt, thành phố Cần Thơ và tuyến ống D400 gang và D114 PVC tuyến bên phải đường (đoạn từ đường Cách Mạng Tháng 8 đến đường Mậu Thân) Nguyễn Văn Cừ, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.	16.059.000.000	Đầu tư tuyến ống cấp nước D300, D250 gang và D114 PVC dọc tuyến đường Võ Văn Kiệt, thành phố Cần Thơ và tuyến ống D400 gang và D114 PVC tuyến bên phải đường Nguyễn Văn Cừ (đoạn từ đường Cách Mạng Tháng 8 đến đường Mậu Thân) quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.
Tuyến ống cấp nước D.375 gang từ đoạn cầu Cái Khế đến cầu Nhị Kiều và đoạn từ vòng xoay bến Xe Mới đến đường Nguyễn Văn Cừ.	12.763.000.000	Đầu tư tuyến ống cấp nước D.375 gang từ đoạn cầu Cái Khế đến cầu Nhị Kiều và đoạn từ vòng xoay bến Xe Mới đến đường Nguyễn Văn Cừ
Hạng mục nâng cấp cải tạo QL 91, hạng mục di dời hệ thống cấp nước Km7+000 đến cầu Trà Nóc QL 91 quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.	14.672.000.000	Đầu tư dự án nâng cấp cải tạo QL 91, hạng mục di dời hệ thống cấp nước km7+000 đến cầu Trà Nóc QL 91 quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
Cộng	103.410.000.000	

05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty con và các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	346.250.564	-	-	346.250.564
Vay và nợ	-	33.653.235.908	-	33.653.235.908
Chi phí phải trả	7.515.888	-	-	7.515.888
Các khoản phải trả khác	63.644.553.131	-	-	63.644.553.131
Cộng	63.998.319.583	33.653.235.908	-	97.651.555.491
Số đầu kỳ				
Phải trả cho người bán	-	-	-	-
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	-	-	-	-
Cộng	-	-	-	-

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

366C Cách Mạng Tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là năm tài chính đầu tiên của Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2 nên không có số liệu so sánh.

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

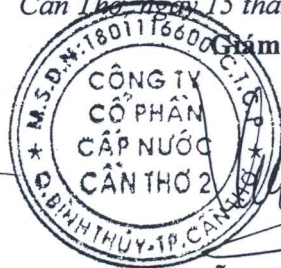
Nguyễn Thị Ngọc Thủy

Kế toán trưởng

Trần Thị Hòa

Cần Thơ, ngày 15 tháng 01 năm 2015

Giám đốc



Nguyễn Văn Chính